

Số: 159/KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH

Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ Y tế phê duyệt tài liệu hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản;

Căn cứ Quyết định số 3781/QĐ-BYT ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 5914/QĐ-BYT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Đề án Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, với các nội dung cụ thể sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản (SKSS), sức khỏe tình dục (SKTD) của vị thành niên, thanh niên (VTN, TN) trên địa bàn tỉnh thông qua việc đẩy mạnh truyền thông, tư vấn và tăng cường cung cấp dịch vụ chuyên môn kỹ thuật chăm sóc SKSS, SKTD có chất lượng, phù hợp với điều kiện học tập, làm việc và sinh hoạt của nhóm VTN, TN, góp phần đưa VTN, TN trở thành một lực lượng lao động khỏe mạnh đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- 100% các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch; Ít nhất 80% các cơ sở chăm sóc SKSS, trường học, đơn vị, doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp ban hành kế hoạch và bố trí kinh phí tổ chức thực hiện kế hoạch theo quy định.

- Ít nhất 80% VTN, TN có hiểu biết về những nội dung cơ bản trong chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN (như: Giáo dục giới tính, tình dục an toàn, các biện pháp tránh thai, hậu quả của mang thai ngoài ý muốn và phá thai không an toàn; phòng chống các bệnh: N hiễm khuẩn đường sinh sản, lây truyền qua đường tình dục, HIV; phòng ngừa xâm hại và bạo lực tình dục, dự phòng phát hiện sớm ung thư đường sinh sản...).

- Ít nhất 80% các thầy cô giáo, cha mẹ học sinh, người giám hộ được cung cấp thông tin về chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN.

- Ít nhất 50% các chủ doanh nghiệp tại khu công nghiệp được cung cấp thông tin về chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN.

- Ít nhất 70% người lao động dưới 30 tuổi trong các khu công nghiệp có hiểu biết về các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến công tác chăm sóc SKSS, SKTD (*như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong chăm sóc thai sản, biện pháp tránh thai...*) và được cung cấp thông tin về nội dung cơ bản trong chăm sóc SKSS, SKTD.

- Ít nhất 70% VTN, TN thuộc nhóm đối tượng ưu tiên được cung cấp địa chỉ và biết các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD đảm bảo chất lượng.

- Ít nhất 60% VTN, TN thuộc nhóm đối tượng ưu tiên có hành vi tình dục an toàn.

- 80% cơ sở chăm sóc SKSS công lập tuyến tỉnh, 70% cơ sở chăm sóc SKSS tư nhân có cán bộ được đào tạo về cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN, TN.

- 60% cơ sở chăm sóc SKSS công lập tuyến tỉnh cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện với VTN, TN; 10% cơ sở chăm sóc SKSS công lập tuyến tỉnh cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho nhóm ưu tiên, tập trung vào nhóm VTN, TN khuyết tật.

- 50% cơ sở chăm sóc SKSS tư nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện với VTN, TN.

- 70% cơ sở chăm sóc SKSS tại tất cả các tuyến thực hiện thông tin, giáo dục, truyền thông, tư vấn về SKSS, SKTD cho VTN, TN.

- Tỷ lệ mang thai ở VTN/tổng số phụ nữ mang thai giảm từ 4,8% xuống dưới 2%.

- Tỷ suất sinh ở VTN giảm từ 30 ca sinh/1000 phụ nữ xuống dưới 23 ca sinh/1000 phụ nữ.

- Tỷ lệ phá thai ở VTN/Tổng số phụ nữ phá thai giảm còn 1%.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi

1.1. Hoạt động truyền thông vận động chính sách

- Tổ chức truyền thông vận động về tầm quan trọng của chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN, TN cho lãnh đạo, quản lý các lĩnh vực có liên quan (*giáo dục, doanh nghiệp...*) qua các chương trình trên các phương tiện thông tin truyền thanh, truyền hình, các hội nghị, hội thảo chuyên đề.

- Huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, cơ quan truyền thông đại chúng, chủ doanh nghiệp tham gia vận động chính sách, nguồn lực và tạo môi trường xã hội thuận lợi cho công tác chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN trên địa bàn tỉnh.

- Huy động nguồn lực và tạo môi trường xã hội thuận lợi cho công tác chăm sóc SKSS, SKTD của VTN, TN với việc đẩy mạnh xã hội hóa công tác CSSKSS, SKTD cho VTN, TN thông qua các chính sách ưu đãi; các doanh nghiệp chủ động nguồn kinh phí chăm sóc SKSS, SKTD cho nguồn lao động trẻ.

1.2. Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, nâng cao nhận thức, xây dựng thái độ và thay đổi hành vi

- Tăng cường các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông cho cộng đồng về: Kiến thức về chăm sóc SKSS, SKTD của VTN, TN, đặc biệt là kiến thức, hành vi tình dục an toàn và thực hành đúng về tình dục an toàn, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục; tính sẵn có và địa chỉ các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN.

- Cung cấp các tài liệu truyền thông, giáo dục SKSS/SKTD toàn diện cho cán bộ y tế và cộng đồng, với nội dung chú trọng nhóm đối tượng ưu tiên.

- Cải tiến nội dung, đa dạng hóa các hình thức và hoạt động truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng như báo viết, báo hình, báo nói, báo điện tử. Đặc biệt chú trọng tới ứng dụng các loại hình truyền thông mới như internet, truyền hình tương tác, phát thanh tương tác, sân khấu tương tác, mạng xã hội, các ứng dụng trên điện thoại thông minh,... đến các nhóm đối tượng ưu tiên với các nội dung chủ yếu về chăm sóc SKSS, SKTD như: Tình bạn, tình yêu; tình dục an toàn và lành mạnh; phòng có thai ngoài ý muốn, phòng tránh HIV, ngăn chặn sử dụng chất gây nghiện...

- Đẩy mạnh giáo dục SKSS, SKTD toàn diện trong nhà trường: Tăng cường giáo dục giới tính, giáo dục kỹ năng sống; xây dựng góc tư vấn về SKSS, SKTD phù hợp với độ tuổi; lồng ghép các nội dung giáo dục trong các cuộc thi; khuyến khích các hình thức giáo dục đồng đẳng như nhóm bạn, câu lạc bộ...

- Đào tạo kỹ năng tư vấn và truyền thông trực tiếp cho đội ngũ người cung cấp dịch vụ ở các tuyến, các thầy cô giáo, cán bộ Đoàn thanh niên và truyền thông viên tại cộng đồng. Kết hợp giữa truyền thông tại cộng đồng và truyền thông tại các cơ sở cung cấp dịch vụ.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý và năng lực cho mạng lưới chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN

- Cung cấp Hướng dẫn chuyên môn, chương trình, tài liệu đào tạo liên quan đến chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN cho người cung cấp kiến thức và dịch vụ.

- Đào tạo nâng cao năng lực cho mạng lưới chăm sóc SKSS, SKTD về lập kế hoạch, triển khai thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá công tác chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN, TN tại các tuyến.

- Tổ chức triển khai nhân rộng các mô hình can thiệp có hiệu quả về chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN, TN, đặc biệt là nhóm VTN, TN ưu tiên.

3. Đảm bảo tài chính, đổi mới phương thức chi trả nhằm tăng khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN

- Lồng ghép hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN với các chương trình, dự án đã và đang triển khai để thực hiện kế hoạch.
- Vận động các tổ chức trong và ngoài nước, các nhà tài trợ, hỗ trợ nguồn lực và kỹ thuật để chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN.
- Huy động sự chủ động tham gia, đóng góp của doanh nghiệp trong chăm sóc SKSS cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp.

4. Đảm bảo nguồn nhân lực chuyên ngành và nâng cao năng lực chuyên môn chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN cho y tế các tuyến

- Tăng cường nguồn nhân lực cung cấp dịch vụ SKSS, SKTD cho VTN, TN, đặc biệt ở tuyến cơ sở theo hướng hợp tác y tế công – tư, theo đó có thể tận dụng một số nguồn nhân lực có tiềm năng như các cán bộ y tế có chuyên môn đã nghỉ chế độ, sự tham gia của y tế tư nhân.
- Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ thông qua các hoạt động cụ thể như:
 - + Triển khai chương trình đào tạo chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN, lồng ghép các nội dung về giới, bạo lực giới và phòng chống bạo lực, hướng đến cung cấp dịch vụ thân thiện theo hướng dẫn của Vụ SKBMTE Bộ Y tế.
 - + Tổ chức và đa dạng hóa hình thức đào tạo liên tục nhằm nâng cao năng lực cho nhân viên y tế (công lập và tư nhân) đang làm công tác chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN, TN, bao gồm cả nhân viên y tế tại các doanh nghiệp.
 - + Tổ chức đào tạo tại chỗ, đào tạo theo nhu cầu bằng phương pháp cầm tay chỉ việc về chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN, TN.

5. Giải pháp về cơ sở vật chất và nghiên cứu khoa học, công nghệ

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chăm sóc SKSS, SKTD hướng tới dịch vụ thân thiện có chất lượng cho VTN, TN tại tất cả các tuyến, trường học, khu công nghiệp và cộng đồng.
- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ mới, phù hợp trong chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN trên địa bàn tỉnh.

6. Giải pháp nhằm nâng cao tính sẵn có và chất lượng dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN, TN

- Kết nối và phát triển mạng lưới các cơ sở y tế công lập và tư nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện và toàn diện cho VTN, TN, tập trung vào các dịch vụ giảm mang thai ngoài ý muốn, phá thai không an toàn, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục (*bao gồm cả HIV*) cho các nhóm đối tượng ưu tiên.
- Tổ chức các đợt chăm sóc lưu động về SKSS, SKTD thân thiện với VTN, TN, kết hợp với các chương trình truyền thông, đảm bảo thuận lợi về thời gian, địa điểm cho VTN, TN tại cộng đồng và khu công nghiệp.

- Đẩy mạnh thực hiện liên kết trong cung cấp thông tin và dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN- TN trên cơ sở huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội từ ngân sách nhà nước, cơ sở y tế tư nhân, các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận và các nguồn lực hợp pháp khác.

- Xây dựng các mô hình điểm cung cấp thông tin, tư vấn, dịch vụ tại các địa điểm thích hợp ở nhà trường, cộng đồng và khu công nghiệp, .

7. Giải pháp củng cố và hoàn thiện hệ thống thống kê, theo dõi báo cáo

- Triển khai hướng dẫn báo cáo theo bộ chỉ số, công cụ theo dõi, đánh giá về chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN, theo hướng dẫn của Vụ sức khỏe bà mẹ trẻ em; Tổ chức huấn luyện/đào tạo cho đội ngũ làm công tác thống kê, báo cáo nhằm nâng cao chất lượng báo cáo.

- Cải thiện quy trình quản lý thông tin về SKSS, SKTD VTN, TN (bao gồm: thu thập, phân tích, lưu trữ thông tin) trên nền tảng hệ thống báo cáo và cơ sở dữ liệu về SKSS hiện có.

- Tăng cường hoạt động theo dõi và giám sát, bao gồm cả giám sát lồng ghép và giám sát hỗ trợ sau đào tạo.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm và nguồn kinh phí chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và theo phân cấp hiện hành; kinh phí chi cho hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản VTN, TN; nguồn lồng ghép với các đề án, chương trình, kế hoạch của tỉnh có liên quan và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo đúng quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Kịp thời tham mưu, đề xuất những nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có). Căn cứ vào tình hình thực tế chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN của tỉnh, các điều kiện về nguồn lực thực hiện và triển khai lồng ghép các chương trình hiện có tại địa phương.

- Chỉ đạo các đơn vị y tế huyện, thành phố khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành kế hoạch chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN trên địa bàn và triển khai thực hiện hiệu quả.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp báo cáo Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đẩy mạnh giáo dục SKSS, SKTD cho học sinh, nhất là học sinh phổ thông; tăng cường giáo dục giới tính, giáo dục kỹ năng sống, xây dựng góc tư vấn về SKSS, SKTD phù hợp với độ tuổi; lồng ghép, tích hợp vào các hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức triển khai các hoạt động ngoại khóa giáo dục về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho VTN, TN.

3. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Y tế tổ chức tuyên truyền, phổ biến việc triển khai thực hiện kế hoạch này cho vị thành niên, thanh niên hằng năm.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo và tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho VTN, TN trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục.

5. Sở Tài chính

Hằng năm, tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí trong dự toán chi sự nghiệp y tế để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

6. Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp

- Chỉ đạo các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động tuyên truyền vận động, truyền thông giáo dục sức khỏe, nâng cao nhận thức, thái độ và thay đổi hành vi về chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN vào nội dung hoạt động của doanh nghiệp hằng năm.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế trong công tác truyền thông vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi về chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN.

- Tỉnh đoàn Tuyên Quang xây dựng Kế hoạch thực hiện, phối hợp với Sở Y tế thực hiện truyền thông chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho VTN, TN.

8. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch CSSKSS, SKTD cho VTN, TN lồng ghép trong kế hoạch chăm sóc SKSS nói chung. Phối hợp, lồng ghép trong các nhiệm vụ, chương trình có liên quan để truyền thông nâng cao kiến thức, thay đổi hành vi trong CSSKSS, SKTD cho đối tượng trên địa bàn.

- Đảm bảo các điều kiện cho các cơ sở y tế triển khai cung cấp dịch vụ thân thiện VTN, TN lồng ghép trong cung cấp dịch vụ CSSKSS; sẵn sàng là nơi nhận chuyển gửi đối tượng từ các điểm tư vấn CSSKSS VTN, TN trên địa bàn.

Các sở, ngành cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện Kế hoạch. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Y tế để tổng hợp*) kết quả thực hiện hằng năm (*trước ngày 25/12*) hoặc báo cáo đột xuất theo quy định. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Y tế để tổng hợp*) chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, TTTT, GDĐT, TC, CT, LĐTBXH;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Ban Quản lý CKCN tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PTTH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, THVX (VB).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Việt Phương